**Các bệnh về Thần kinh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Bệnh tật** | **Điểm** |
| *45* | *Nhức đầu thành cơn, dai dẳng, kéo dài, ảnh hưởng đến lao động:* |   |
|   | - Trạng thái Migrain | 4 |
|   | - Migrain biến chứng | 5 |
|   | - Đau đầu chuỗi mạn tính | 4 |
|   | - Đau đầu căng thẳng mạn tính | 4 |
| *46* | *Động kinh:* |   |
|   | - Đã hết cơn (lâm sàng và cận lâm sàng) | 5 |
|   | - Còn cơn (lâm sàng và hoặc cận lâm sàng) | 6 |
| *47* | *Tăng tiết mồ hôi (bao gồm R61.0 tăng tiết mồ hôi khu trú và R61.1 tăng tiết mồ hôi toàn thân)* |   |
|   | - Mức độ vừa | 4 |
|   | - Mức độ nặng | 5 |
| *48* | *Đái dầm không thực tổn* | 5 |
| *49* | *Di tính nhiều, ảnh hưởng tới sức khỏe* | 4 |
| *50* | *Rối loạn tiền đình trung ương* | 5 |
| *51* | *Rối loạn tiền đình ngoại biên* | 4-5 |
| *52* | *Rối loạn phối hợp vận động và thăng bằng kiểu tiểu não* | 5 |
| *53* | *Liệt thần kinh mặt ngoại vi (Liệt Bell):* |   |
|   | - Còn di chứng méo miệng thường xuyên, mắt nhắm không kín | 5 |
| *54* | *Liệt thần kinh ngoại vi:* |   |
|   | - Liệt 1 trong các dây thần kinh quay, giữa | 5 |
|   | - Liệt dây thần kinh trụ | 4 |
|   | - Liệt dây thần kinh hông to | 6 |
|   | - Liệt 1 trong các dây thần kinh hông khoeo trong, hông khoeo ngoài | 5 |
|   | - Mất hoặc giảm khả năng vận động ở một phần chi thể: |   |
|   | + Ít ảnh hưởng tới lao động, sinh hoạt | 4 |
|   | + Ảnh hưởng nhiều đến lao động, sinh hoạt | 5 |
|   | - Mất hoàn toàn khả năng lao động ở 1 chi hoặc nửa người | 6 |
| *55* | *Di chứng tổn thương sọ não, tủy sống: Liệt chân tay, hạn chế khả năng lao động rõ rệt* | 6 |
| *56* | *Bệnh rễ và các đảm rối thần kinh:* |   |
|   | - Ảnh hưởng ít đến vận động và cảm giác | 4 |
|   | - Ảnh hưởng nhiều đến vận động và cảm giác | 5 |
| *57* | *Bệnh cơ (Myopathie):* |   |
|   | - Có teo cơ nặng, ảnh hưởng rõ đến khả năng lao động | 6 |
|   | - Teo cơ nhẹ, ảnh hưởng ít đến vận động | 4 |
| *58* | *Nhược cơ (Myasthénia)* | 6 |
| *59* | *Các rối loạn TIC* | 4 |
| *60* | *Đau lưng do:* |   |
|   | - Gai đôi cột sống | 4 |
|   | - Thoái hoá cột sống: |   |
|   | + Mức độ vừa: thoái hóa 3-6 đốt sống, không có chèn ép thần kinh | 4 |
|   | + Mức độ nặng: > 6 đốt sống hoặc có chèn ép thần kinh | 5 |
|   | - Thoát vị đĩa đệm: |   |
|   | + Mức độ nhẹ: đau tại chỗ, không có chèn ép thần kinh, ảnh hưởng lao động ít | 4 |
|   | + Mức độ vừa: H/c thắt lưng hông, ảnh hưởng lao động nhiều | 5 |
|   | + Mức độ nặng: Có chèn ép thần kinh, mất khả năng lao động | 6 |
| *61* | *Đau vùng cổ gáy do rối loạn liên quan đến cột sống cổ:* |   |
|   | - Thoái hoá cột sống cổ: |   |
|   | + Mức độ vừa: thoái hóa 2-4 đốt sống, không có chèn ép thần kinh | 4 |
|   | + Mức độ nặng: > 4 đốt sống hoặc có chèn ép thần kinh | 5 |
|   | - Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ: |   |
|   | + Mức độ nhẹ: đau tại chỗ, không có chèn ép thần kinh, ảnh hưởng lao động ít | 4 |
|   | + Mức độ vừa: Có chèn ép thần kinh, ảnh hưởng lao động nhiều | 5 |
|   | + Mức độ nặng: Có chèn ép thần kinh, mất khả năng lao động | 6 |
| *62* | *Chấn thương sọ não:* |   |
|   | - Chấn thương sọ não, vết thương cũ không thấu não để lại di chứng suy nhược thần kinh nhẹ: |   |
|   | + Nếu điện não đồ không biến đổi | 4 |
|   | + Nếu điện não đồ có biến đổi | 5 |
|   | - Chấn thương sọ não cũ, vết thương thấu não cũ còn để lại di chứng rõ rệt về thần kinh hoặc tâm thần hoặc khuyết xương sọ. | 6 |